

Số: /2025/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định diện tích đất nông nghiệp được sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định diện tích đất nông nghiệp được sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định diện tích đất nông nghiệp (trừ đất trồng lúa) sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo khoản 3 Điều 178 Luật Đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.
- Cá nhân, cộng đồng dân cư sử dụng đất nông nghiệp.

Điều 3. Loại công trình, điều kiện xây dựng công trình

1. Công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp là công trình lán, trại để phục vụ cho người lao động; công trình phục vụ bảo quản nông sản; chứa thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ và các công trình phụ trợ khác.

2. Điều kiện xây dựng công trình

a) Khu đất, thửa đất để xây dựng công trình phải có diện tích tối thiểu từ 1.000 m² trở lên (*bao gồm 01 thửa hoặc nhiều thửa đất liền kề của cùng một người sử dụng đất*).

b) Không làm ảnh hưởng đến công trình thủy lợi, công trình đê điều, giao thông nội đồng, các thửa đất liền kề. Việc xây dựng phải thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật có liên quan.

c) Công trình chỉ được xây dựng 01 tầng, không được xây dựng tầng hầm.

d) Cá nhân, cộng đồng dân cư sử dụng đất nông nghiệp có nhu cầu sử dụng một phần diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp phải đăng ký diện tích, vị trí xây dựng, mục đích sử dụng công trình với Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 4. Diện tích đất nông nghiệp để xây dựng công trình

1. Người sử dụng đất nông nghiệp được sử dụng một phần diện tích tối đa không quá 01% trên tổng diện tích khu đất, thửa đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không quá 50 m² đối với khu đất, thửa đất có diện tích dưới 10.000 m²; không quá 100 m² đối với khu đất, thửa đất có diện tích từ 10.000 m² trở lên.

2. Được phép xây dựng công trình tại một hoặc nhiều vị trí khác nhau trong khu đất, thửa đất nhưng tổng diện tích đất để xây dựng tối đa không được vượt quá quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Diện tích đất xây dựng công trình được thống kê là đất nông nghiệp.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc đăng ký xây dựng công trình trên đất nông nghiệp. Trường hợp phát hiện người sử dụng đất xây dựng công trình trên đất nông nghiệp không đúng quy định phải kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để xử lý theo quy định. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để xảy ra vi phạm.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện của Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và Môi trường*) để tổng hợp, tham mưu điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở: NN&MT, Xây dựng, Tư pháp;
- VP UBND tỉnh: V,C, CB;
- Lưu: VT, KT4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trọng Hải